

UBND PHƯỜNG ĐỒNG HỚI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTQĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 214/BQL

Đồng Hới, ngày 03 tháng 3 năm 2026

Về việc công khai Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình Tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc Lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Đợt 1).

Kính gửi:

- UBND phường Đồng Thuận;
- Các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về sửa đổi khoản 1 Điều 13 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định mức bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ – HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 212/UBND-NNMT ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v áp dụng giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 273/SNNMT-QLĐĐ ngày 14/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị V/v đề nghị cho chủ trương áp dụng lựa chọn quy định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 69/SNNMT-QLĐĐ ngày 09/7/2025 của Sở Nông nghiệp và môi trường V/v lựa chọn quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Công văn số 80/UBND-NNMT ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn;

Căn cứ Công văn số 169/UBND-NNMT ngày 12/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v tập dụng đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 232/TB-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc thu hồi đất để thực hiện công trình xây dựng tuyến đường

kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 1);

Căn cứ Thống kê kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất, tờ bản đồ địa chính số 25,56 tại Lộc Ninh, phường Đồng Thuận do Trung tâm kỹ thuật Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 25/8/2025 được Sở Nông nghiệp và môi trường ký duyệt ngày 28/8/2025;

Căn cứ Biên bản về việc lấy ý kiến về phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của hộ gia đình có đất thu hồi để GPMB thực hiện dự án xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi quốc lộ 1A ngày 20/10/2025;

Căn cứ Công văn số 1027/UBND- KTHĐT ngày 11/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc phúc đáp các đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm do GPMB xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc Lộ 1A, tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 1);

Căn cứ Công văn số 1048/UBND- KTHĐT ngày 15/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc phúc đáp nguồn gốc hình thành tài sản của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 1090/UBND- KTHĐT ngày 19/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận về phúc đáp tỷ lệ % (phần trăm) diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi trên tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A, tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Đợt 1);

Căn cứ Công bố số 2489/CB-SXD ngày 25/9/2025 của Sở Xây dựng Công bố giá VLXD quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ biên bản kiểm kê khối lượng tài sản bị ảnh hưởng do GPMB và các hồ sơ liên quan.

Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới lập Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Đợt 1).

(Có Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ kèm theo).

Để thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024 của Chính phủ và hoàn thiện phương án bồi thường đúng chính sách, chế độ quy định hiện hành của Nhà nước, Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới phối hợp với UBND phường Đồng Thuận; tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ

tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Đợt 1).

Thời gian niêm yết công khai: Từ ngày / /2026 đến ngày / /2026.

Địa điểm niêm yết công khai: Tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Đồng Thuận; địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi và gửi trực tiếp cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng.

Các kiến nghị, đề xuất của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng đề nghị gửi cho Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới - Địa chỉ: Tầng 5 - Trụ sở UBND phường Đồng Hới - số 88 Phạm Văn Đồng, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị chậm nhất đến ngày / /2026.

Sau khi hết thời hạn niêm yết công khai Dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới sẽ phối hợp với UBND phường Đồng Thuận, UBMT TQVN phường Đồng Thuận tổ chức họp với các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng để tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ; hoàn chỉnh phương án trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định phê duyệt theo đúng quy định.

Để việc bồi thường GPMB thực hiện dự án đúng tiến độ, kính đề nghị UBND phường Đồng Thuận quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT, HT và ĐT, phường Đồng Thuận (để biết);
- Lưu: VT, GPMB.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Hương Giang

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Công trình: Tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 1)

(Kèm theo Công văn số: 214 /BQL ngày 03 tháng 03 năm 2026 của Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)

I/ CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội;
- Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;
- Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về sửa đổi khoản 1 Điều 13 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định mức bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024;

- Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định về bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Công văn số 212/UBND-NNMT ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v áp dụng giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Công văn số 273/SNNMT-QLĐĐ ngày 14/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị V/v đề nghị cho chủ trương áp dụng lựa chọn quy định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình Thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình v/v phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Đồng Hới;
- Căn cứ Công văn số 69/SNNMT-QLĐĐ ngày 09/7/2025 của Sở Nông nghiệp và môi trường V/v lựa chọn quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;
- Căn cứ Công văn số 80/UBND-NNMT ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn;
- Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 232/TB-UBND ngày 14/10/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc thu hồi đất để thực hiện công trình xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 1);
- Căn cứ Thống kê kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất, tờ bản đồ địa chính số 25,56 tại Lộc Ninh, phường Đồng Thuận do Trung tâm kỹ thuật Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 25/8/2025 được Sở Nông nghiệp và môi trường ký duyệt ngày 28/8/2025;
- Căn cứ Biên bản về việc lấy ý kiến về phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của hộ gia đình có đất thu hồi để GPMB thực hiện dự án xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi quốc lộ 1A ngày 20/10/2025;
- Căn cứ Công văn số 597/KTHT&ĐT ngày 25/11/2025 của Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi Nhà nước thu hồi do GPMB thực hiện công trình tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo Chứng thư số 29/CT-BQL ngày 21/11/2025 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;
- Căn cứ Công văn số 1027/UBND- KTHTĐT ngày 11/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc phúc đáp các đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm do GPMB xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc Lộ 1A, tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (đợt 1);
- Căn cứ Công văn số 1048/UBND- KTHTĐT ngày 15/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận về việc phúc đáp nguồn gốc hình thành tài sản của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB xây dựng tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị;

- Căn cứ Công văn số 1090/UBND- KTHĐT ngày 19/12/2025 của UBND phường Đồng Thuận về phúc đáp tỷ lệ % (phần trăm) diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi trên tổng diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tuyến đường kết nối hành lang sân bay Đồng Hới đi Quốc lộ 1A, tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Đợt 1);*
- Căn cứ biên bản kiểm kê khối lượng và các hồ sơ liên quan;

II/ NỘI DUNG:

1/ Tổng diện tích đất thu hồi: **9.853,1 m²**

Trong đó:

- Diện tích đất hộ gia đình cá nhân sử dụng: **1.534,2 m²**
- + Đất trồng cây hàng năm khác (HNK): **1.321,9 m²**
- + Đất trồng cây lâu năm (CLN): **212,3 m²**
- Diện tích đất tổ chức sử dụng đất: **1.068,1 m²**
- + Đất trồng cây lâu năm (CLN): **1.068,1 m²**
- Diện tích đất tổ chức quản lý: **7.250,8 m²**
- + Đất giao thông (DGT): **7.250,8 m²**

2/ Tổng số người có đất thu hồi: 08 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức bị ảnh hưởng.

3/ Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

4/ Phương án bố trí tái định cư: Không

5/ Phương án di dời mồ mã trong phạm vi đất thu hồi: Không

6/ Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.

7/ Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: **đồng**

- a/ Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: **757.782.000 đồng**
- Bồi thường về đất: **85.914.000 đồng**
- Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất: **307.952.000 đồng**
- Các khoản hỗ trợ: **363.916.000 đồng**

b/ Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Chưa phê duyệt đợt này.

8/ Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Thời gian thực hiện chi trả tiền: Sau khi có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND phường Đồng Thuận.

Thời gian nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng: Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới có thông báo chi trả tiền lần đầu.

9/ Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
1/	Bà: Lê Thị Chung - CCCD: 044172004935 - Địa chỉ: TDP4 Lộc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP4 Lộc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Điện thoại: 0918.427.244			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn				17.802.000	21.590.000	91.592.000	130.984.000	
								17.802.400	21.590.000	91.592.240		
A	<u>Bồi thường về đất:</u>							<u>17.802.400</u>				
Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024												
(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHTĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo												
Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)												
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thửa đất số 644(1). TĐĐ số 25.	m ²	169,6	56.000				9.497.600				
Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 23/2/2021, thuộc thửa đất số 644, TĐĐ số 25, diện tích 1050,1 m2.												
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thửa đất số 660(1). TĐĐ số 25.	m ²	148,3	56.000				8.304.800				
Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 29/6/2021, thuộc thửa đất số 660, TĐĐ số 25, diện tích 933,3 m2.												
	Tổng diện tích đất thu hồi:	m ²	317,9									
B	<u>Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:</u>								<u>21.590.000</u>			
-	Mưng đường kính Ø > 30 cm	cây	5,0		2.740.000				13.700.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Mưng đường kính Ø > 12cm đến ≤ 30 cm	cây	6,0		1.090.000				6.540.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Sanh đường kính 8cm đến ≤ 12 cm	cây	5,0		270.000				1.350.000	ĐG Stt 6, mục FI, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
(Riêng sanh, si, đa, đề giá bằng 50% mức giá trên. Cụ thể: 540000*50% = 270000đ/cây)												
C	<u>Các khoản hỗ trợ:</u>									<u>91.592.240</u>		

TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ			Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất	kg	0,0							0		
Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 12,28 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025 nên không đủ điều kiện để hỗ trợ đời sống quy định tại khoản 1 Điều 19, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết định 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh.												
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: $56.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 10\% = 5.600\text{đ}/\text{m}^2$	m ²	317,9			5.600				1.780.240		
(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)												
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: $5 \text{ lần} \times 56.000\text{đ}/\text{m}^2 = 280.000/\text{m}^2$	m ²	317,9			280.000				89.012.000		
(Căn cứ khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)												
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	2,0			400.000				800.000		
(Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 15, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)												

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
2	Bà: Lê Thị Mỹ Thành - CCCD: 044184000454 Địa chỉ: TDP4 Lộc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP4 Lộc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Điện thoại: 0949.512.852			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn			15.730.000	28.759.000	2.373.000	46.862.000		
								15.730.400	28.758.960	2.373.040		
A	<u>Bồi thường về đất</u>							<u>15.730.400</u>				
	Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024											
	(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHTĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo											
	Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa đất số 645(1), tờ bản đồ số 25	m2	139,2	56.000				7.795.200,0				
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 23/2/2021, thuộc thửa đất số 645, TBĐ số 25, diện tích 888,6 m2.											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), thửa đất số 657(1), tờ bản đồ số 25	m2	141,7	56.000				7.935.200,0				
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 29/6/2021, thuộc thửa đất số 657, TBĐ số 25, diện tích 925,3 m2.											
	Tổng diện tích đất thu hồi:	m ²	280,9									
B	<u>Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:</u>							<u>28.758.960</u>				
-	Hàng rào xây gạch, chưa tô trát móng xây đá hộc, hàng rào cao 1,2 m (Tài sản tạo lập năm 2012 theo kê khai của gia đình)	m	12,0		1.177.000		80%		11.299.200	ĐG Stt 19.22, mục VI, phần B, Phụ lục I, QĐ 23/2026		
	(Hàng rào do gia đình tạo lập được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại Công văn số 1048/UBND ngày 15/12/2025).											
	Tài sản tạo lập trái quy định trên đất HNK, không được bồi thường quy định tại khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai 2024 nhưng được hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 7											
	Điều 15 Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình, mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định. Lý do: Tài sản xây											
	dựng trái mục đích, xây dựng trước ngày 01/7/2014 và quá trình tạo lập không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.											

TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ			Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
+	Giảm số tiền tường rào xây thấp hơn quy định 20cm, cứ 10cm giảm tương ứng 51.000đ/m2 (đơn giá hàng rào cao 1,4m)	m	12,0		-102.000		80%		-979.200			
(Căn cứ mục 2.3, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh)												
+	Giảm số tiền tường rào chưa tô trát. KT: (12,0*1,2)*2 mặt	m²	28,800		-76.000		80%		-1.751.040	ĐG stt 3.2, mục II, điểm B, PLI, QĐ 23/2026		
(Căn cứ điểm h, mục 1.6, Phụ lục IV, Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh)												
-	Mung đường kính > 30 cm	Cây	3,00		2.740.000				8.220.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Mung đường kính 12 cm đến ≤ 30 cm	Cây	9,00		1.090.000				9.810.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Bồ đề đường kính 8 cm < Ø ≤ 12 cm	Cây	8,00		270.000				2.160.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
(Riêng sanh, si, đa, đề giá bằng 50% mức giá trên. Cụ thể: 540000*50% = 270000đ/cây)												
C	Các khoản hỗ trợ:								2.373.040			
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất	kg	0,0						0			
Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 14,26 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025 nên không đủ điều kiện để hỗ trợ đời sống quy định tại khoản 1 Điều 19, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết định 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh.												
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất . Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m2 x 10% = 5.600đ/m2	m²	280,9			5.600				1.573.040		
(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)												
Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình)												
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.	m²	280,9							0		
(Bà Lê Thị Mỹ Thành là cán bộ, công chức, viên chức được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại Công văn số 1027/UBND-KTHT&ĐT ngày												

 

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ			
	11/12/2025 nên không được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ).												
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	2,0			400.000				800.000			
	(Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 15, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)												
3/	Ông: Lê Xuân Trường - CCCD: 044077001045 - Địa chỉ: TDP4 Lộc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP4 Lộc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Điện thoại: 0823.889.167			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn				16.055.000	32.693.000	82.682.000	131.430.000		
								16.055.200	32.693.040	82.681.520			
A	Bồi thường về đất:							16.055.200					
	Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024												
	(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHTĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)												
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thửa đất số 646(1). TĐĐ số 25.	m ²	139,5	56.000				7.812.000					
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 23/2/2021, thuộc thửa đất số 646, TĐĐ số 25, diện tích 920,1 m2.												
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thửa đất số 659(1). TĐĐ số 25.	m ²	147,2	56.000				8.243.200					
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 29/6/2021, thuộc thửa đất số 659, TĐĐ số 25, diện tích 931,5 m2.												
	Tổng diện tích đất thu hồi:	m ²	286,7										
B	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:								32.693.040				
-	Hàng rào xây gạch, chưa tô trát móng xây đá hộc, hàng rào cao 1,2 m (Tài sản tạo lập năm 2012 theo kê khai của gia đình)	m	13,0		1.177.000		80%		12.240.800	ĐG Stt 19.22, mục VI, phần B, Phụ lục I, QĐ 23/2026			
	(Hàng rào do gia đình tạo lập được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại Công văn số 1048/UBND ngày 15/12/2025).												

TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ			Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	Tài sản tạo lập trái quy định trên đất HNK, không được bồi thường quy định tại khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai 2024 nhưng được hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 7											
	Điều 15 Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình, mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định. Lý do: Tài sản xây dựng trái mục đích, xây dựng trước ngày 01/7/2014 và quá trình tạo lập không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.											
+	Giảm số tiền tường rào xây thấp hơn quy định 20cm, cứ 10cm giảm tương ứng 51.000đ/m2 (đơn giá hàng rào cao 1,4m)	m	13,0		-102.000		80%		-1.060.800			
	(Căn cứ mục 2.3, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh)											
+	Giảm số tiền tường rào chưa tô trát. KT: (13,0*1,2)*2 mặt	m ²	31,200		-76.000		80%		-1.896.960	ĐG stt 3.2, mục II, điểm B, PLI, QĐ 23/2026		
	(Căn cứ điểm h, mục 1.6, Phụ lục IV, Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh)											
-	Mung đường kính > 30 cm	cây	4,0		2.740.000				10.960.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Mung đường kính 12cm đến ≤ 30 cm	cây	9,0		1.090.000				9.810.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Bồ đề đường kính 8 cm < Ø ≤ 12 cm	cây	4,0		540.000				2.160.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Bạch đàn đường kính 8 cm < Ø ≤ 12 cm	cây	16,0		30.000				480.000	ĐG Stt 2.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
C	Các khoản hỗ trợ:								82.681.520			
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất	kg	0,0						0			
	Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 13,45 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025 nên không đủ điều kiện để hỗ trợ đời sống quy định tại khoản 1 Điều 19, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết định 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh.											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất . Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m2 x 10% = 5.600đ/m2	m ²	286,7			5.600			1.605.520			

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ			
	(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)												
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 5 lần * 56.000đ/m2 = 280.000/m2	m ²	286,7			280.000				80.276.000			
	(Căn cứ khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày												
	29/10/2024 của UBND tỉnh)												
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	2,0			400.000				800.000			
	(Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 15, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)												
4/	Bà: Lê Thị Hà - CCCD: 044164009318 - Địa chỉ: TDP6 Lộc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP6 Lộc Đại, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Điện thoại: 0368.731.553			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn				8.064.000	48.972.000	41.526.000	98.562.000		
								8.064.000	48.971.600	41.526.400			
A	<u>Bồi thường về đất:</u>							<u>8.064.000</u>					
	Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024												
	(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHTĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo												
	Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)												
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thửa đất số 658(1). TĐĐ số 25.	m ²	144,0	56.000				8.064.000					
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 29/6/2021, thuộc thửa đất số 658, TĐĐ số 25, diện tích 928,9 m2.												
B	<u>Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:</u>								<u>48.971.600</u>				

TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ			Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hàng rào xây gạch, chưa tô trát móng xây đá hộc, hàng rào cao 1,2 m (Tài sản tạo lập năm 2012 theo kê khai của gia đình)	m	20,0		1.177.000		80%		18.832.000	ĐG Stt 19.22, mục VI, phần B, Phụ lục I, QĐ 23/2026		
(Hàng rào do gia đình tạo lập được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại Công văn số 1048/UBND ngày 15/12/2025).												
Tài sản tạo lập trái quy định trên đất HNK, không được bồi thường quy định tại khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai 2024 nhưng được hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 7												
Điều 15 Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình, mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định. Lý do: Tài sản xây												
dựng trái mục đích, xây dựng trước ngày 01/7/2014 và quá trình tạo lập không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.												
+	Giảm số tiền tường rào xây thấp hơn quy định 20cm, cứ 10cm giảm tương ứng 51.000đ/m2 (đơn giá hàng rào cao 1,4m)	m	20,0		-102.000		80%		-1.632.000			
(Căn cứ mục 2.3, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh)												
+	Giảm số tiền tường rào chưa tô trát. KT: (20,0*1,2)*2 mặt	m²	48,0		-76.000		80%		-2.918.400	ĐG stt 3.2, mục II, điểm B, PLI, QĐ 23/2026		
(Căn cứ điểm h, mục 1.6, Phụ lục IV, Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh)												
-	Mung đường kính > 30 cm	cây	6,0		2.740.000				16.440.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Mung đường kính 12cm đến ≤ 30 cm	cây	16,0		1.090.000				17.440.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Bồ đề đường kính 8 cm < Ø ≤ 12 cm	cây	3,0		270.000				810.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
(Riêng sanh, si, đa, đề giá bằng 50% mức giá trên. Cụ thể: 540000*50% = 270000đ/cây)												
C	Các khoản hỗ trợ:								41.526.400			
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất	kg	0,0							0		
Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 3,78 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025 nên không đủ điều												
kiện để hỗ trợ đời sống quy định tại khoản 1 Điều 19, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết												
định 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh.												

 

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất . Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m2 x 10% = 5.600đ/m2	m ²	144,0			5.600				806.400		
(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)												
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 5 lần * 56.000đ/m2 = 280.000/m2	m ²	144,0			280.000				40.320.000		
(Căn cứ khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)												
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,0			400.000				400.000		
(Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 15, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)												
5/	Ông Bà: Nguyễn Thanh Lâm - Lê Thị Liên			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn				4.211.000	20.296.000	21.877.000	46.384.000	
	- CCCD: - Địa chỉ: TDP7 Phú Xá, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP7 Phú Xá, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Điện thoại: 0935.269.798							4.211.200	20.295.900	21.877.120		
A	Bồi thường về đất:							4.211.200				
Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024												

TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ			Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHTĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)											
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thửa đất số 672(1). TĐĐ số 25.	m ²	75,2	56.000				4.211.200				
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 01/3/2022, thuộc thửa đất số 672, TĐĐ số 25, diện tích 535,4 m2.											
B	<u>Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:</u>							20.295.900				
-	Mung đường kính > 30 cm	cây	4,0		2.740.000				10.960.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Mung đường kính 12cm đến ≤ 30 cm	cây	8,0		1.090.000				8.720.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Sanh đường kính < 5cm đến ≤ 8 cm	cây	2,0		270.000				540.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
	(Riêng sanh, si, đa, đề giá bằng 50% mức giá trên. Cụ thể: 540000*50% = 70000đ/cây)											
-	Phi lao đường kính 4 cm đến ≤ 6 cm	cây	3,0		25.300				75.900	ĐG Stt 2.1, mục D, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
C	<u>Các khoản hỗ trợ:</u>									21.877.120		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất	kg	0,0							0		
	Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 14,05 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025 nên không đủ điều kiện để hỗ trợ đời sống quy định tại khoản 1 Điều 19, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết định 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh.											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất . Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m2 x 10% = 5.600đ/m2	m ²	75,2			5.600				421.120		
	(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)											

 

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 5 lần * 56.000đ/m2 = 280.000/m2	m ²	75,2			280.000				21.056.000		
(Căn cứ khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)												
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,0			400.000				400.000		
(Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 15, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)												
6/	Ông Bà: Nguyễn Thanh Xuân - Mai Thị Hương Giang - CCCD: 044082007289 - Địa chỉ: TDP Phú Xá, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP Phú Xá, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị. - Điện thoại: 0935.269.798			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn				4.368.000	21.849.000	22.677.000	48.894.000	
								4.368.000	21.848.540	22.676.800		
A	<u>Bồi thường về đất:</u>							<u>4.368.000</u>				
Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024												
(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHTĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)												
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thửa đất số 673(1). TĐĐ số 25.	m ²	78,0	56.000				4.368.000				
Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 01/3/2022, thuộc thửa đất số 673, TĐĐ số 25, diện tích 559,4 m2.												
B	<u>Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:</u>								<u>21.848.540</u>			

TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ			Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Cống hộp thoát nước BTCT cao 0,9 dài 4m, rộng 0,9 (tài sản tạo lập năm 2019 do hộ gia đình tự kê khai)	m3	3,2		1.576.000				5.106.240	ĐG stt 47.1, mục VI, phần B, PL I, QĐ 23/2026		
	(Tài sản do gia đình tạo lập được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại Công văn số 1048/UBND ngày 15/12/2025).											
	(Bồi thường căn cứ khoản 1 Điều 7 Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)											
-	Huê đường kính 15 cm đến ≤ 25 cm	cây	11,0		500.700				5.507.700	ĐG Stt 8.1, mục D, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Cau vua đường kính < 20 cm	cây	2,0		309.000				618.000	ĐG Stt 8, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Phát tải đường kính > 10 cm đến ≤ 15 cm	cây	1,0		119.400				119.400	ĐG Stt 8, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
	(Áp theo giá sung, đào, ngọc lan, liễu ... và các loài cây tương tự)											
-	Khế cây từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 8	cây	2,0		1.145.400				2.290.800	ĐG Stt 16.1, mục B, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Mai cây đường kính 5 cm đến < 10 cm	cây	1,0		685.600				685.600	ĐG Stt 4, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Bơ cây từ năm thứ 8 đến hết năm thứ 12	cây	2,0		3.760.400				7.520.800	ĐG Stt 17.1, mục B, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
C	Các khoản hỗ trợ:									22.676.800		
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất	kg	0,0							0		
	Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 13,94 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025 nên không đủ điều kiện để hỗ trợ đời sống quy định tại khoản 1 Điều 19, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết định 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh.											
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất . Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m2 x 10% = 5.600đ/m2	m²	78,0			5.600				436.800		
	(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)											

Handwritten signatures and initials in blue ink.

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ			
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 5 lần * 56.000đ/m2 = 280.000/m2	m ²	78,0			280.000				21.840.000			
(Căn cứ khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)													
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,0			400.000				400.000			
(Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 15, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)													
7/	Ông Bà: Nguyễn Thanh Cương - Dương Thị Hoài Thọ - CCCD: 044085012954 - Địa chỉ: TDP Hữu Cung, Lộc Ninh, Phường Đồng Thuận - Nơi ở hiện nay: TDP Hữu Cung, Lộc Ninh, Phường Đồng Thuận - Điện thoại: 0967.360.888			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn			7.795.000	33.304.000	40.156.000	81.255.000			
								7.795.200	33.304.000	40.155.520			
A	<u>Bồi thường về đất:</u>							<u>7.795.200</u>					
Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024													
(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHTĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)													
-	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thửa đất số 674(1). TĐĐ số 25.	m ²	139,2	56.000				7.795.200					
Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 01/3/2022, thuộc thửa đất số 674, TĐĐ số 25, diện tích 1.012,5 m2.													
B	<u>Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:</u>								33.304.000				
-	Sanh đường kính > 30 cm	cây	2,0		1.370.000				2.740.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025			
(Riêng sanh, si, đa, đề giá bằng 50% mức giá trên. Cụ thể: 2.740.000*50% = 1.370.000đ/cây)													

TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ			Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Huê đường kính 25 cm < Ø ≤ 40 cm	cây	10,0		975.300				9.753.000	ĐG Stt 8.1, mục D, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Cau vua đường kính < 20 cm	cây	7,0		309.000				2.163.000	ĐG Stt 8, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Mung đường kính > 30 cm	cây	6,0		2.740.000				16.440.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025		
-	Buy bê tông thoát nước đường kính 50 cm dài 4m (tài sản tạo lập năm 2019 do hộ gia đình tự kê khai)	m	4,0		552.000				2.208.000	ĐG Stt 37, mục VI, phần B, Phụ lục I, QĐ 23/2026		
(Tài sản do gia đình tạo lập được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại Công văn số 1048/UBND ngày 15/12/2025).												
(Bồi thường căn cứ khoản 1 Điều 7 Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)												
C	Các khoản hỗ trợ:								40.155.520			
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất	kg	0,0						0			
Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 13,55 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025 nên không đủ điều kiện để hỗ trợ đời sống quy định tại khoản 1 Điều 19, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết định 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh.												
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất . Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m2 x 10% = 5.600đ/m2	m²	139,2			5.600			779.520			
(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)												
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 5 lần * 56.000đ/m2 = 280.000/m2	m²	139,2			280.000			38.976.000			
(Căn cứ khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày												




TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	29/10/2024 của UBND tỉnh)											
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,0			400.000				400.000		
	(Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 15, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)											
8/	Bà: Nguyễn Thị Phước Lộc - CCCD: 044194015790 - Địa chỉ: Lộc Ninh, Phường Đồng Thuận - Nơi ở hiện nay: Lộc Ninh, Phường Đồng Thuận - Điện thoại: 0915.565.555			Giá trị làm tròn số đến hàng nghìn				11.889.000	100.489.000	61.033.000	173.411.000	
								11.888.800	100.488.940	61.032.880		
A	<u>Bồi thường về đất:</u>							<u>11.888.800</u>				
	Bồi thường về đất căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2024											
	(Giá đất để tính bồi thường căn cứ Công văn số 142/KTHTĐT ngày 02/02/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Đồng Thuận kèm theo											
	Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)											
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN) thửa đất số 31(1). TĐĐ số 56.	m ²	212,3	56.000				11.888.800				
	Nguồn gốc sử dụng: Đất được Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ ngày 21/01/2019, thuộc thửa đất số 31, TĐĐ số 56, diện tích 1.890,4 m2.											
B	<u>Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:</u>								<u>100.488.940</u>			
b.1	Tường rào xây gạch tô trát hoàn chỉnh. Bô trụ BTCT, khoảng cách 3m 1 trụ (tiết diện trụ KT: 0,2x0,2) có giằng BTCT trên mặt móng (tiết diện giằng 0,1x0,5), tường xây cao 1,7m, móng xây đá hộc xanh sâu 1,5m, bề rộng mặt móng 0,5m. (xây dựng năm 2012 do gia đình tự kê khai).											
	(Hàng rào do gia đình tạo lập được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại Công văn số 1048/UBND ngày 15/12/2025).											

TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ			Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ			
	Tài sản tạo lập trái quy định trên đất CLN, không được bồi thường quy định tại khoản 2, Điều 105 Luật Đất đai 2024 nhưng được hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 7												
	Điều 15 Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình, mức hỗ trợ bằng 10% mức bồi thường theo quy định. Lý do: Tài sản xây												
	dựng trái mục đích, xây dựng trước ngày 01/7/2014 và quá trình tạo lập không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.												
-	Phía Đông Bắc	m	34,7		1.420.000		80%		39.419.200	ĐG Stt 19.20, mục VI, phần B, Phụ lục I, QĐ 23/2026			
-	Phía Tây Bắc	m	9,0		1.420.000		80%		7.043.200	ĐG Stt 19.20, mục VI, phần B, Phụ lục I, QĐ 23/2026			
	Trong phạm vi:	m	6,2										
	Ngoài phạm vi GPMB bị ảnh hưởng (tính đến trụ gần nhất)	m	2,8										
-	Phía Đông Nam		9,0		1.420.000		80%		10.224.000	ĐG Stt 19.20, mục VI, phần B, Phụ lục I, QĐ 23/2026			
	Trong phạm vi:	m	6,2										
	Ngoài phạm vi GPMB bị ảnh hưởng (tính đến trụ gần nhất)	m	2,8										
+	Móng tường rào xây cao hơn quy định 1,0 m được tính bù thêm (đơn giá móng tường rào chôn sâu 0,5m). KT: (34,7+9,0+9,0)*0,5*1,0	m ³	26,350		1.228.000		80%		25.886.240	ĐG Stt 8, mục VI, phần B, Phụ lục I, QĐ 23/2026			
	(Căn cứ mục 2.3, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh)												
+	Giảm số tiền Tường rào xây thấp hơn quy định 10 cm, cứ 10cm giảm tương ứng 51.000đ/m2 (đơn giá hàng rào cao 1,8 m)	m	12,0		-51.000		80%		-489.600				
	(Căn cứ mục 2.3, Phụ lục IV Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh)												
-	Bơ cây từ 45 ngày đến hết năm thứ 1	cây	25,0		234.200				5.855.000	ĐG Stt 17.1, mục B, Phụ lục I, QĐ 12/2025			
-	Vú sữa từ 45 ngày đến hết năm thứ 1	cây	21,0		467.900				9.825.900	ĐG Stt 12.1, mục B, Phụ lục I, QĐ 12/2025			
-	Mưng đường kính >12cm đến ≤ 30 cm	cây	2,0		1.090.000				2.180.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025			
-	Sanh đường kính >12cm đến ≤ 30 cm	cây	1,0		545.000				545.000	ĐG Stt 6.1, mục F, Phụ lục I, QĐ 12/2025			
	(Riêng sanh, si, đa, đề giá bằng 50% mức giá trên. Cụ thể: 1.090.000 đ/cây*50% = 545000đ/cây)												
C	Các khoản hỗ trợ:									61.032.880			
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi nhà nước thu hồi đất	kg	0,0							0			

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ			
	Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi 11,23 % được UBND phường Đồng Thuận xác nhận tại GXN số 2106/GXN-UBND ngày 18/9/2025 nên không đủ điều kiện để hỗ trợ đời sống quy định tại khoản 1 Điều 19, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết định 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh.												
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất . Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất trồng cây hàng năm, vị trí 1 theo bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 56.000đ/m2 x 10% = 5.600đ/m2	m ²	212,3			5.600				1.188.880			
	(Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 11, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)												
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh. Cụ thể: 5 lần * 56.000đ/m2 = 280.000/m2	m ²	212,3			280.000				59.444.000			
	(Căn cứ khoản 1, Điều 22, Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh)												
-	Hỗ trợ làm thủ tục chỉnh lý GCN QSDĐ đối với thửa đất bị thu hồi	giấy	1,0			400.000				400.000			
	(Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 15, Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)												
9/	UBND phường Đồng Thuận - Địa chỉ:							0	0	0	0		
A	<u>Bồi thường về đất:</u>							<u>0</u>					
	Đất không được bồi thường theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2024.												
*	Đất tổ chức sử dụng												
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN) thửa đất số 671(1), TĐĐ số 25	m ²	25,1					0					

TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
	Danh mục bồi thường, hỗ trợ			Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
-	Đất trồng cây lâu năm (CLN) thửa đất số 302(1), TĐĐ số 25	m ²	1043,0					0				
*	Đất tổ chức quản lý											
-	Đất giao thông (DGT) thửa đất số 333(1), TĐĐ số 25	m ²	2588,8					0				
-	Đất giao thông (DGT) thửa đất số 301(1), TĐĐ số 25	m ²	87,4					0				
-	Đất giao thông (DGT) thửa đất số 203(1), TĐĐ số 56	m ²	1535,9					0				
-	Đất giao thông (DGT) thửa đất số 87(1), TĐĐ số 56	m ²	3038,7					0				
	<u>Tổng diện tích đất thu hồi:</u>	m ²	8318,9									
<u>B</u>	<u>Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:</u>								<u>0</u>			
	Không có tài sản trên đất											
<u>C</u>	<u>Các khoản hỗ trợ:</u>									<u>0</u>		
	Tổng cộng:							85.914.000	307.952.000	363.916.000	757.782.000	

Số tiền bằng chữ: (Bảy trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn)./.

Đồng Hới, ngày 03 tháng 03 năm 2026

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Hương Giang